TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 5 – 2019
"Về việc: Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Ngọc Luận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên toà.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc " Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1990 – vắng mặt

Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phước K, sinh năm 1987 – có mặt

Nơi cư trú: Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2019 nguyên đơn Nguyễn Thị Xuân T trình bày**:**

Vào năm 2015 do quen biết nên đã tiến đến hôn nhân với anh Nguyễn Phước K, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song Phú, huyện Tam Bình, thời gian hạnh phúc gần 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống thường xuyên cự cãi và không còn tình cảm, nên từ đó vợ chồng đã ly thân từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay không về đoàn tụ lại.

- Về con chung: Chị T trình bày có 01 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trang A, sinh ngày 22/11/2015, hiện nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị T yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Khởi.

- Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Ngọc Trang A, sinh ngày 22/11/2015. Không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh K trình bày: Anh K thống nhất lời trình với chị T về quan hệ hôn nhân, thời gian hạnh phúc, ly thân, con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh K nghi ngờ chị T có người đàn ông khác.

Anh K đồng ý ly hôn với chị T, đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Trang A, sinh ngày 22/11/2015 cho chị T nuôi dưỡng, về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:

Do vụ việc không thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình không có ý kiến và không tham gia phiên tòa sơ thẩm trong vụ việc này.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: đã được công bố ngày ngày 06/5/2019

- *Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*:

+ Về hôn nhân: Chị T và anh K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Tam Bình đây là hôn nhân hợp pháp.

+ Về con chung: Anh K thống nhất cháu Nguyễn Ngọc Trang A, sinh ngày 22/11/2015 là con chung của chị T và anh K.

- *Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất,*

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất: Không*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh K, Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Ngọc Trang A, sinh ngày 22/11/2015. Không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh K đồng ý ly hôn với chị T, đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Trang A, sinh ngày 22/11/2015 cho chị T nuôi dưỡng, về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét về hôn nhân: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Nguyễn Phước K tại phiên tòa. Chị Nguyễn Thị Xuân T ly hôn với anh Nguyễn Phước K.

[4] Xét về con chung: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh K về việc giao cháu Nguyễn Ngọc Trang A, sinh ngày 22/11/2015 cho chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

[5] Xét về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số No 0011665 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị xuân T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với anh Nguyễn Phước K.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Trang A, sinh ngày 22/11/2015 cho chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số No 0011665 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
-Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Ngọc Luận